

Bản án số: 103/2020/DS-PT

Ngày 21 tháng 5 năm 2020

“V/v Tranh chấp thừa kế, tranh chấp hợp
đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất,
chia tài sản sau ly hôn, yêu cầu tuyên bố
văn bản công chứng vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp thừa kế, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tài sản sau ly hôn, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 436/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Cụ Lê Thị L, sinh năm 1930 (chết ngày 01/7/2015);

Địa chỉ: Bertolt – Brecht Str 19, 18106 Rostock, Germany.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị L, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.1.1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1954; Quốc tịch: Đức – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bertolt – Brecht Str 21, 18106 Rostock, Germany.

1.1.2. Ông Trần Văn T¹, sinh năm 1957; Quốc tịch: Pháp – Vắng mặt;

Địa chỉ: 27.Rue de la Mairie 72440 Coudrecieux - France.

1.1.3. Bà Trần Thanh V, sinh năm 1962; Quốc tịch: Hoa Kỳ - Vắng mặt;

Địa chỉ: 3515 Shadow Bluff, Houston Texas 77082. USA.

1.1.4. Bà Trần Thanh T², sinh năm 1964; Quốc tịch: Đức – Vắng mặt;

Địa chỉ: Schnieglinger Str.325, 90429 Nurnberg – Germany.

1.1.5. Ông Trần Thanh B, sinh năm 1969; Quốc tịch: Đức – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ricada hut Str.6 84032 Landshut – Deutschland.

1.1.6. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1968 – Có mặt;

Địa chỉ: Bertolt – Brecht Str 19, 18106 Rostock, Germany.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 1, Khu dân cư số 4, Nguyễn Huệ, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Trần Thị D, Trần Thanh T², Trần Thanh B: Ông Trần Thanh T (Nguyên đơn) – Có mặt.

1.2. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1968 – Có mặt;

Địa chỉ: Bertolt – Brecht Str 19, 18106 Rostock, Germany.

Địa chỉ liên hệ của ông Trí: Tổ 1, Khu dân cư số 4, Nguyễn Huệ, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn:

2.1. Cụ Trần Văn K, sinh năm 1931 (chết ngày 20/9/2012);

Địa chỉ: 54 Ô2, Khu phố Long Bình, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Trần Văn K:

2.1.1. Cụ Tạ Thị Tuyết M, sinh năm 1950 – Có mặt;

2.1.2. Ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1982 (*Đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*) – Có mặt;

Cùng địa chỉ: 54 Ô2, Khu phố Long Bình, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của cụ Tạ Thị Tuyết M: Ông Dương Thanh T⁵, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 16, ấp Đông, xã Hòa Long, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2013) – Có mặt.

2.1.3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (*Đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*) – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 1, Khu phố Phước Sơn, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2.2. Cụ Tạ Thị Tuyết M, sinh năm 1950 (*Đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Trần Văn K*) – Có mặt;

Địa chỉ: 54 Ô2, Khu phố Long Bình, thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tạm trú: Ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lương Tạ Kinh L, sinh năm 1974 – Có mặt;

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Ông Trần Văn T³, sinh năm 1975 – Vắng mặt;

3.3. Bà Lâm Bảo C, sinh năm 1981 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: A24 Chung cư Gò Cát, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn T³ và bà Lâm Bảo C: Ông Trần Anh D¹, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 124C đường 2/9, Phường 11, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

3.4. Bà Huỳnh Thị Phà R, sinh năm 1964 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 23/211B Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Ông Nguyễn Hữu T⁴ (chết năm 2010);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Hữu T⁴:

3.5.1. Bà Huỳnh Thị Phà R, sinh năm 1964 – Vắng mặt;

3.5.2. Anh Nguyễn Huỳnh Anh D², sinh năm 1991 – Vắng mặt;

3.5.3. Anh Nguyễn Huỳnh Anh V¹, sinh năm 2001 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 23/211B Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Văn phòng công chứng thành phố B – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Bắc 3, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.7. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh B (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố B:
Bà Mã Thị Cẩm V² – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bà Rịa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Trần Thanh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2011, nguyên đơn cụ Lê Thị L trình bày:

Cụ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung có trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ với cụ Trần Văn K gồm: 10.000 m² đất ruộng muối tại An Ngãi, Long Điền; 16.287,25 m² trong tổng diện tích khoảng 32.000 m² đất trồng lúa ở ấp Tây, xã Hòa Long.

Trong đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung đề ngày 08/7/2013, ngày 19/7/2013, ngày 11/3/2016 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Cụ Lê Thị L với cụ Trần Văn K có 6 người con gồm: Trần Văn T¹, Trần Thanh V, Trần Thanh T², Trần Thanh B, Trần Thanh T và Trần Thị D là con riêng của cụ Lê Thị L, nhưng cụ Trần Văn K đã nhận là con và cụ Trần Văn K đứng tên là cha trong giấy khai sinh của Trần Thị D.

Với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị L, ông yêu cầu chia cho cụ Lê Thị L ½ tài sản có được trong thời kỳ hôn nhân đối với các thửa đất trồng lúa gồm: Số 937, 571, 2, 40 tờ bản đồ số 40, 44 diện tích 16.067,4 m²; thửa 474 tờ bản đồ 39, diện tích 5.299,4 m²; thửa 490, 458, 482, 515 tờ bản đồ số 39 diện tích 10.147,1 m². Tổng diện tích 31.513,9 m², chia đôi cho mỗi người ½ là 15.756,9 m². Đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 475701 ngày 12/9/2011; số BL 882641 và số BL 882640 cùng ngày 05/9/2012. Các diện tích này từ khi cụ Trần Văn K chết đến nay đều do cụ Tạ Thị Tuyết M sử dụng.

Với tư cách là nguyên đơn, ông kiện cụ Tạ Thị Tuyết M yêu cầu chia thừa kế di sản của cha là cụ Trần Văn K chết để lại không có di chúc đối với phần của cụ Trần Văn K là 15.756,9 m² (là ½ khối tài sản chung của cụ Lê Thị L với cụ Trần Văn K).

Với tư cách là người được thừa kế của cụ Lê Thị L, ông yêu cầu được hưởng toàn bộ di sản của cụ Lê Thị L theo Di chúc của cụ Lê Thị L ngày 17/8/2008 là 15.756,9 m² (½ khối tài sản chung của cụ Lê Thị L với cụ Trần Văn K).

Cụ Trần Văn K lập Di chúc năm 2009 không rõ ràng, mâu thuẫn với Di chúc cụ Trần Văn K lập năm 1990 nên yêu cầu không công nhận cả hai di chúc này và chia thừa kế di sản của cụ Trần Văn K theo pháp luật.

Đối với việc cụ Trần Văn K, cụ Tạ Thị Tuyết M chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T⁴ và bà Huỳnh Thị Phà R và giữa ông Nguyễn Hữu T⁴, bà Huỳnh Thị Phà R với ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C nếu thuộc phần di sản của cụ Trần Văn K được chia thì ông không có ý kiến, còn nếu nằm trên phần đất ông được chia thì ông không đồng ý.

Bị đơn cụ Trần Văn K và cụ Tạ Thị Tuyết M cùng người đại diện trình bày:

Các thửa đất số 937, 571, 2, 40 tờ bản đồ số 40, 44; số 490, 458, 474, 482, 515 tờ bản đồ số 39 xã Hòa Long đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Văn K vào năm 2011 và 2012 nên không đồng ý toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn.

Về nguồn gốc tài sản như sau:

Năm 1980, gia đình cụ Lê Thị L vượt biên sang Đức thì cụ Trần Văn K chung sống với cụ Tạ Thị Tuyết M và quản lý toàn bộ đất. Đến năm 1982 thì hai cụ có con chung là Trần Thanh Đ.

Năm 1991, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành ban hành Quyết định số 505/QĐ-UBH thu hồi 1,44 ha/2,88 ha đất ruộng tại cánh đồng Bung xã Hòa Long do Trần Văn K và Lê Thị L đứng sở địa bộ để giao cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Long quản lý, phân bổ theo quy định hiện hành. Lý do thu hồi: Cụ Lê Thị L trốn ra nước ngoài bất hợp pháp.

Số đất còn lại 1,44 ha/2,88 ha công nhận ủy quyền của cụ Trần Văn K (cha) cho ông Trần Thanh Đ (con) nhưng do ông Trần Thanh Đ chưa thành niên nên giao cho cụ Tạ Thị Tuyết M quản lý.

Từ năm 1991, cụ Trần Văn K liên tục khiếu nại đòi lại số đất bị thu hồi.

Tại Bản án hôn nhân phúc thẩm số 04/DSPT ngày 28/02/2000 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho cụ Trần Văn K với cụ Lê Thị L ly hôn và xác định việc tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân.

Năm 2002, cụ Trần Văn K với cụ Tạ Thị Tuyết M đăng ký kết hôn và chung sống cho đến ngày cụ Trần Văn K qua đời (ngày 20/9/2002).

Năm 2002, cụ Lê Thị L đang định cư tại Đức ủy quyền cho cháu là Đặng Chí Đ¹ tranh chấp quyền sử dụng đất với cụ Trần Văn K, đã được Ủy ban nhân dân thị xã B giải quyết bằng Quyết định số 555/QĐ.UB ngày 06/3/2002 nội dung bác đơn khiếu nại của ông Đặng Chí Đ¹. Lý do cụ Lê Thị L đang ở nước ngoài không đủ điều kiện để được giao đất nông nghiệp. Ông Đặng Chí Đ¹ tiếp tục khiếu nại, Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 2842/QĐ.UB ngày 24/9/2002 bác đơn khiếu nại của ông Đặng Chí Đ¹ và giữ nguyên Quyết định số 555/QĐ.UB ngày 06/3/2002.

Cụ Trần Văn K tiếp tục có đơn khiếu nại. Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 822/QĐ.UB ngày 12/3/2004 thu hồi 16.287,25 m² đất sản xuất nông nghiệp trong tổng diện tích 32.838,45 m² hiện do Trần Văn K đang sử dụng giao cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Long quản lý. Giao cho Trần Văn K canh tác 15.704,9 m² thửa 474.

Cụ Trần Văn K khởi kiện Quyết định số 822/QĐ.UB ngày 12/3/2004. Tòa án nhân dân thị xã B có Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2005/HC-ST. Cụ Trần Văn K vừa có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và vừa có đơn khiếu nại, Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 4088/QĐ.UB ngày 29/12/2005 thu hồi, hủy bỏ Quyết

định số 822/QĐ.UB ngày 12/3/2004 và Quyết định số 356/QĐ.UB ngày 16/3/2005 của Ủy ban nhân dân thị xã B.

Ngày 02/8/2006, cụ Trần Văn K có đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 31.300 m² tại xã Hòa Long. Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 1038/QĐ.UBND ngày 13/4/2011 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 505/QĐ.UBND ngày 31/5/1991 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 25/4/2011, cụ Trần Văn K lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích 16.287,2 m² thuộc các thửa số 515, 571, 02, 10 tờ bản đồ số 44 xã Hòa Long.

Ủy ban nhân dân thị xã B ban hành Quyết định số 1451/QĐ.UBND ngày 13/5/2011 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 505/QĐ.UBND ngày 31/5/1991 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và Quyết định số 1038/QĐ.UBND ngày 13/4/2011 của Ủy ban nhân dân thị xã B.

Ngày 15/8/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B xác nhận vào đơn của cụ Trần Văn K nội dung: *“Ông Trần Văn K đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 50 Luật đất đai ngày 26/11/2003 và khoản 1 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ”*. Tháng 9/2011 và tháng 9/2012, cụ Trần Văn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định tại phần I khoản 2 Thông tư số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005.

Như vậy, quyền sử dụng đất cụ Trần Văn K có được là do được nhà nước giao theo quy định tại Điều 5 Luật đất đai, không phải là tài sản chung của cụ Trần Văn K với cụ Lê Thị L, mà là tài sản chung của cụ Trần Văn K với cụ Tạ Thị Tuyết M, do cụ Trần Văn K với cụ Tạ Thị Tuyết M cùng quản lý sử dụng hơn 30 năm. Vì vậy, không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn về đất.

Đối với 01 căn nhà cấp 4A và 02 căn nhà cấp 4B trên thửa đất số 474 xã Hòa Long là do cụ Tạ Thị Tuyết M và cụ Trần Văn K xây dựng năm 1997 từ nguồn tiền cụ Tạ Thị Tuyết M bán nhà riêng của mình ở Long Điền về mua, trước đây chỉ là nhà tạm bằng tre, vách đất.

Đối với căn nhà cấp 4 tại thửa đất số 38, diện tích 122,2 m² địa chỉ 54 Ô 2 Khu phố Long Bình, thị trấn Long Điền có nguồn gốc cụ Trần Văn K nhận thừa kế của cha Trần Văn Lưỡng (chết năm 1945) và mẹ Trần Thị Nguyệt (chết năm 1957) có chứng cứ đính kèm, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà do cụ Tạ Thị Tuyết M và cụ Trần Văn K xây dựng năm 1981. Cụ Trần Văn K đã lập di chúc ngày 02/5/1990 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Long Điền để toàn bộ nhà đất này cho cụ Tạ Thị Tuyết M và ông Trần Thanh Đ.

Ngày 22/5/2009, cụ Trần Văn K lập di chúc để lại cho cụ Tạ Thị Tuyết M toàn bộ 03 căn nhà ở xã Hòa Long và các thửa đất số 937, 571, 2, 40, tờ bản đồ số 40, 44; các thửa số 490, 458, 474, 482, 515 tờ bản đồ số 39 xã Hòa Long. Sau khi cụ Trần Văn K chết thì cụ Tạ Thị Tuyết M đã khai nhận thừa kế tại Văn phòng công chứng B ngày 31/01/2013.

Cụ Tạ Thị Tuyết M không đồng ý khởi kiện của cụ Lê Thị L yêu cầu chia tài sản chung giữa cụ Trần Văn K với cụ Lê Thị L vì cụ Lê Thị L không có tài sản gì chung, cũng không đồng ý khởi kiện cụ ông Trần Thanh T yêu cầu chia thừa kế vì cụ

Trần Văn K đã lập di chúc cho cụ Tạ Thị Tuyết M và ông Trần Thanh Đ toàn bộ di sản của cụ Trần Văn K.

Đối với việc năm 2004, cụ Trần Văn K, cụ Tạ Thị Tuyết M lập giấy tay bán cho ông Nguyễn Hữu T⁴ và vợ là Huỳnh Thị Phà R diện tích 6 m x 50 m đến năm 2010 ông Nguyễn Hữu T⁴ chết, bà Huỳnh Thị Phà R bán lại cho ông Trần Văn T³. Cụ Tạ Thị Tuyết M đồng ý lập thủ tục chuyển nhượng cho ông Trần Văn T³ với điều kiện bà Huỳnh Thị Phà R và các con của ông Nguyễn Hữu T⁴ đồng ý, được Tòa án chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh Đ trình bày: Cụ Trần Văn K có để lại 03 tờ di chúc gồm: Di chúc năm 1989 nội dung ủy quyền cho ông quản lý sử dụng toàn bộ đất tại xã Hòa Long dưới sự bảo hộ của cụ Tạ Thị Tuyết M; Di chúc năm 1990 nội dung cho ông và cụ Tạ Thị Tuyết M quản lý sử dụng nhà đất tại 54 Ô 2 Khu phố Long Bình và di chúc năm 2009 nội dung để lại toàn bộ đất ở xã Hòa Long cho cụ Tạ Thị Tuyết M, còn các tài sản khác thì để lại cho Nguyễn Thị H, Lương Tạ Kinh L, Trần Thị Thanh H¹. Ông yêu cầu Tòa án căn cứ vào di chúc năm 2009 để giải quyết nhà đất ở xã Hòa Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là con của cụ Trần Văn K với cụ Nguyễn Thị N (G). Cụ Trần Văn K có 03 vợ và 07 người con như sau:

Có với cụ Lê Thị L 05 con là Trần Thanh T¹, Trần Thị V, Trần Thanh T², Trần Thanh T, Trần Thanh B. Riêng bà Trần Thị D là con riêng của cụ Lê Thị L.

Có với cụ Nguyễn Thị N (G) 01 con là bà.

Có với cụ Tạ Thị Tuyết M 01 con là Trần Thanh Đ.

Nguồn gốc nhà đất 54 Ô 2 Khu phố Long Bình là của ông nội. Sau khi cụ Trần Văn K với cụ Lê Thị L ly hôn thì ông nội mới cho cụ Trần Văn K nhà đất này. Đất ở xã Hòa Long do cụ Trần Văn K với cụ Lê Thị L tạo lập. Sau khi cụ Lê Thị L vượt biên thì Nhà nước thu hồi phân nữa. Cụ Trần Văn K khiếu nại được Nhà nước trả đất đã thu hồi lại cho cụ Trần Văn K.

Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo di chúc của cụ Trần Văn K lập ngày 22/5/2009 vì thời điểm này cụ Trần Văn K hoàn toàn khỏe mạnh. Riêng cụ Nguyễn Thị N không có kết hôn với cụ Trần Văn K nên không có yêu cầu gì đối với tài sản của cụ Trần Văn K để lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Tạ Kinh L trình bày: Ông là con riêng của cụ Tạ Thị Tuyết M. Ông chỉ biết cụ Trần Văn K với cụ Tạ Thị Tuyết M canh tác đất từ năm 1980 đến khi cụ Trần Văn K chết. Ông được cụ Tạ Thị Tuyết M cho xem di chúc ngày 22/5/2009 của cụ Trần Văn K. Ông không có yêu cầu gì. Nếu ông có được chia phần thì ông giao lại cho cụ Tạ Thị Tuyết M và ông Trần Thanh Đ sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần Văn T³ và bà Lâm Bảo C trình bày: Vào ngày 15/4/2012, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Phà R diện tích 216 m² nay thuộc thửa 474, tờ bản đồ 39 xã Hòa Long giá 250.000.000 đồng, đã trả đủ tiền và nhận đất đo đạc lại thì diện tích là 247,6 m². Cuối năm 2012 ông bà làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Trần Văn K chết và đất có tranh chấp nên đến nay vẫn chưa được cấp giấy. Đề nghị cho ông bà sử dụng hợp pháp lô đất đã nhận chuyển nhượng nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Phà R và con là Nguyễn Huỳnh Anh D² trình bày: Năm 2002 có nhận chuyển nhượng của cụ Trần Văn K, cụ Tạ Thị Tuyết M 216 m². Sau khi chồng chết thì bà chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C, đã giao đất nhận tiền xong nên bà đã hết trách nhiệm, chỉ đề nghị cụ Tạ Thị Tuyết M làm thủ tục tách bộ cho ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng thành phố B trình bày: Cụ Trần Văn K lập di chúc ngày 22/5/2009 có hai người làm chứng là Đỗ Hồng Văn và Nguyễn Quốc Hùng đến tại Văn phòng công chứng ký xác nhận. Văn phòng công chứng có kiểm tra giấy tờ nhân thân các đương sự, niêm yết thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật. Sau khi hết hạn niêm yết không nhận bất kỳ sự phản đối nào nên Văn phòng công chứng đã công chứng vào di chúc theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày: Việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 882641 ngày 05/9/2012; số BE 475701 ngày 12/9/2011 và số BL 882640 ngày 05/9/2012 cho cụ Trần Văn K là đúng quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 48 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 và khoản 5, 9 Điều 25 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2011; Khoản 2, 3, 5 Điều 26, các điều 37, 153, 157, 165, 244, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 95, Điều 97 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 646, 652, 653, 674, 676, 679 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 129, Điều 500 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật đất đai năm 1993; Các điều được sửa đổi bổ sung Luật đất đai năm 1993 vào ngày 02/12/1998 và ngày 29/6/2001; Các điều 99, 101, 166, 167, 168, 169, 203 Luật đất đai năm 2015; Khoản 3 Điều 4, Điều 5, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 73, Điều 121 Luật đất đai năm 2003; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần Đơn khởi kiện của cụ Lê Thị L ngày 14/4/2011 đối với các yêu cầu: Chia 03 căn nhà (01 căn nhà cấp 4A và 02 căn nhà cấp 4B) có tại thửa đất số 474, tờ bản đồ số 39 xã Hòa Long, thành phố B; Chia số tiền do cụ K bán một số diện tích tọa lạc ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa và yêu cầu chia diện tích đất ruộng muối khoảng 10.000 m² tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh B.

2. Không chấp nhận khởi kiện của cụ Lê Thị L về “Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn” đối với cụ Trần Văn K và cụ Tạ Thị Tuyết M đối với diện tích 15.756,9 m² đất tại ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B gồm: Các thửa số 937, 571, 2, 40 tờ bản đồ 40, 44; Thửa số 474, tờ bản đồ 39; Các thửa số 490, 458, 482, 515 tờ bản đồ số 39 do cụ Trần Văn K được cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 475701 ngày 12/9/2011; số BL 882641 ngày 05/9/2012 và số BL 882640 ngày 05/9/2012 (Có sơ đồ vị trí đất kèm theo Bản án).

3. Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần Thanh T yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

“Văn bản khai nhận di sản” thừa kế số 023, quyền số 03/2013/TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 31/01/2013 và “Thông báo về việc khai nhận di sản” số 99/TB-VPCCBR ngày 27/12/2012 của Văn phòng công chứng B có hiệu lực.

4. Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần Thanh T yêu cầu “Chia di sản thừa kế” theo pháp luật đối với di sản của cụ Trần Văn K là tổng diện tích 15.756,9 m² tại ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B và 61,1 m² đất (là ½ của diện tích 122,2 m²) tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C; ghi nhận thỏa thuận giữa cụ Tạ Thị Tuyết M với ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C; quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí đo vẽ, thẩm định giá, dịch thuật, ủy thác tư pháp và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2019, ông Trần Thanh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố văn bản công chứng cho cụ Tạ Thị Tuyết M khai nhận thừa kế là vô hiệu; Chia tài sản chung của cụ Lê Thị L với cụ Trần Văn K đối với nhà và 31.513,9 m² đất tại các thửa số 474, 490, 458, 482, 515, 937, 571, 2, 40, các tờ bản đồ số 39, 40, 44 xã Hòa Long bằng hiện vật; Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ K đối với khối tài sản chung nêu trên và nhà đất tại thửa 38, diện tích 122,2 m² tại 54 Ô 2, thôn Long Bình, thị trấn Long Điền bằng hiện vật hoặc bằng giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Trần Thanh T giữ nguyên các nội dung kháng cáo vì các tài sản này của chung vợ chồng cụ Lê Thị L nhưng chỉ một mình cụ Trần Văn K lập di chúc là không hợp pháp; Theo luật hôn nhân gia đình quy định tài sản chung của vợ chồng theo nguyên tắc là phải chia đôi và tùy Tòa án tính công sức. Trong Bản án ly hôn giữa cụ Lê Thị L với cụ Trần Văn K có nêu các sở đất trồng lúa, đất ruộng muối và nhà đất ở Long Điền là tài sản chung của cụ Lê Thị L với cụ Trần Văn K nên đây là tài sản chung vợ chồng cụ Lê Thị L với cụ Trần Văn K nên phải chia.

Ông Dương Thanh T⁵ không đồng ý kháng cáo của ông Trần Thanh T vì đây là tài sản riêng của cụ Trần Văn K, không phải là tài sản chung của cụ Lê Thị L với Trần Văn K. Đề nghị bác kháng cáo.

Cụ Tạ Thị Tuyết M, ông Trần Thanh Đ và bà Trần Thị H nhất trí ý kiến của ông Dương Thanh T⁵.

Ông Lương Tạ Kinh L, Trần Anh D¹ không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo, giữa nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng của ông Trần Thanh T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Diện tích 31.513,9 m² đất trồng lúa tọa lạc ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B có nguồn gốc của cụ Trần Văn K và cụ Lê Thị L tạo lập từ khoảng năm 1974. Đến

năm 1980, cụ Lê Thị L ra nước ngoài định cư, cụ Trần Văn K canh tác đến năm 1990 thì cụ Trần Văn K xuất cảnh ra nước ngoài và giao đất lại cho cụ Tạ Thị Tuyết M cùng ông Trần Thanh Đ quản lý sử dụng đất, trong thời gian cụ Lê Thị L ở nước ngoài thì Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành có quyết định thu hồi 1,44 ha/2,88 ha đất với lý do cụ Lê Thị L trốn đi nước ngoài. Năm 1991 cụ Trần Văn K hồi hương, có đơn khiếu nại đòi lại đất, được Ủy ban nhân dân thị xã B giải quyết nhiều lần, cho đến ngày 12/9/2011 và ngày 05/9/2012 thì công nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Văn K. Như vậy, từ khi định cư ở nước ngoài (năm 1980) cho đến khi khởi kiện và chết, cụ Lê Thị L đã không sử dụng đất nông nghiệp và cũng không đủ điều kiện để Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại các điều 54, 55, 56 và 183 Luật Đất đai 2013 nên không có căn cứ để xác định cụ Lê Thị L có quyền sử dụng hợp pháp đối với số đất trồng lúa nêu trên; Mặt khác, cụ Trần Văn K được Nhà nước giao đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian cụ Lê Thị L đã ly hôn với cụ Trần Văn K và cụ Lê Thị L đang ở nước ngoài, nên không có căn cứ để xác định số đất trồng lúa nêu trên là tài sản chung của cụ Lê Thị L với cụ Trần Văn K và vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị L yêu cầu chia cho cụ Lê Thị L $\frac{1}{2}$ diện tích 31.513,9 m² đất trồng lúa tọa lạc ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B.

[3] Ngày 02/5/1990, cụ Trần Văn K lập di chúc được Ủy ban nhân dân thị trấn Long Điền xác nhận ngày 04/5/1990 với nội dung để lại toàn bộ nhà và đất tại số 50 B (nay là số 54 Ô2), thôn Long Bình, thị trấn Long Điền cho con là Trần Thanh Đ và vợ (Tạ Thị Tuyết M).

Ngày 22/5/2009, cụ Trần Văn K lập di chúc có hai người làm chứng, nội dung giao toàn bộ tài sản của cụ cho vợ là Tạ Thị Tuyết M gồm: Một sở ruộng lúa tại cánh đồng Bung ấp Tây, xã Hòa Long, thị xã B diện tích 28.836 m²; Một sở đất thổ cư diện tích 3.308 m²; Một căn nhà cấp 4A, hai căn nhà cấp 4B đều nằm trên đất thổ cư.

Hai bản di chúc nêu trên đều do cụ Trần Văn K tự tay viết và ký vào di chúc, nên hai di chúc nêu trên được coi là hợp pháp theo quy định tại Điều 652 và Điều 655 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 630 và Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2015).

[4] Văn phòng công chứng thành phố B đã yêu cầu cụ Tạ Thị Tuyết M xuất trình và đã kiểm tra tính xác thực của các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản, các di chúc của cụ Trần Văn K; đã tiến hành niêm yết các thông tin theo quy định của pháp luật và sau khi hết thời hạn niêm yết mà không có người khiếu nại thì Văn phòng công chứng thành phố B mời hai người làm chứng kiểm tra và xác thực thông tin thì mới tiến hành công chứng vào Văn bản khai nhận thừa kế của cụ Tạ Thị Tuyết M số 023, quyển số 03/2013/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2013 là đảm bảo quy trình công chứng văn bản khai nhận thừa kế theo quy định tại Điều 50 Luật công chứng năm 2005 (Điều 58 Luật công chứng năm 2014). Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh T yêu cầu vô hiệu Văn bản công chứng nêu trên.

[5] Do cụ Trần Văn K đã lập các di chúc để lại toàn bộ di sản của cụ cho cụ Tạ Thị Tuyết M và ông Trần Thanh Đ nên cụ Trần Văn K không còn di sản. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Trần Văn K.

[6] Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Thanh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết một phần Đơn khởi kiện của cụ Lê Thị L ngày 14/4/2011 đối với các yêu cầu: Chia 03 căn nhà (01 căn nhà cấp 4A và 02 căn nhà cấp 4B) có tại thửa đất số 474, tờ bản đồ số 39 xã Hòa Long, thành phố B; Chia số tiền do cụ Trần Văn K bán một số diện tích tọa lạc ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B và yêu cầu chia diện tích đất ruộng muối khoảng 10.000 m² tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh B; về việc chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C; về việc ghi nhận thỏa thuận giữa cụ Tạ Thị Tuyết M với ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C; về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí đo vẽ, thẩm định giá, dịch thuật, ủy thác tư pháp không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2.1. Không chấp nhận khởi kiện của cụ Lê Thị L về “*Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*” đối với cụ Trần Văn K và cụ Tạ Thị Tuyết M về việc yêu cầu chia cho cụ Lê Thị L diện tích 15.756,9 m² đất tại ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B gồm: Các thửa số 937, 571, 2, 40 tờ bản đồ 40, 44; Thửa số 474, tờ bản đồ 39; Các thửa số 490, 458, 482, 515 tờ bản đồ số 39 do cụ Trần Văn K được cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 475701 ngày 12/9/2011; số BL 882641 ngày 05/9/2012 và số BL 882640 ngày 05/9/2012 (*Có sơ đồ vị trí đất kèm theo Bản án*).

2.2. Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần Thanh T yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với “Văn bản khai nhận di sản” thừa kế số 023, quyền số 03/2013/TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 31/01/2013 và “Thông báo về việc khai nhận di sản” số 99/TB-VPPCCBR ngày 27/12/2012 của Văn phòng công chứng thành phố B.

2.3. Không chấp nhận khởi kiện của ông Trần Thanh T yêu cầu “Chia di sản thừa kế” theo pháp luật đối với di sản của cụ Trần Văn K là tổng diện tích 15.756,9 m² tại ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B và 61,1 m² đất (là ½ của diện tích 122,2 m²) tại thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh B.

3. Ông Trần Thanh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008378 ngày 26/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết một phần Đơn khởi kiện của cụ Lê Thị L ngày 14/4/2011 đối với các yêu cầu: Chia 03 căn nhà (01 căn nhà cấp 4A và 02 căn nhà cấp 4B) có tại thửa đất số 474, tờ bản đồ số 39 xã Hòa Long, thành phố B; Chia số tiền do cụ Trần Văn K bán một số diện tích tọa lạc ấp Tây, xã Hòa Long, thành phố B và yêu cầu chia diện tích đất ruộng muối khoảng 10.000 m² tại xã An Ngãi, huyện Long Điền, tỉnh B; về việc chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C; về việc ghi nhận thỏa thuận giữa cụ Tạ Thị Tuyết M với ông Trần Văn T³, bà Lâm Bảo C; về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí đo vẽ, thẩm định giá, dịch thuật, ủy thác tư pháp không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

